TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết

Ông Thạch Phới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp 2, xã P, tỉnh Vĩnh Long. (xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Thạch Sa M, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp 2, xã P, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên

đơn bà Thạch Thị D trình bày: Bà với ông Thạch Sa M chung sống với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 22/10/2013. Quá trình chung sống với ông Thạch Sa M có 01 con chung tên Thạch Thị Sô Thia R, sinh ngày 02/5/2014 hiện đang sống với bà. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ vợ chồng không còn, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông Thạch Sa M đã bỏ địa phương đi từ năm 2021, từ đó bà với ông Thạch Sa M đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Sa M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thạch Thị Sô Thia R, sinh ngày 02/5/2014 hiện đang sống với bà; bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Thạch Thị Sô Thia R, sinh ngày 02/5/2014; bà không yêu cầu ông Thạch Sa M phải cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch Sa M vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thạch Thị D vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Thạch Sa M vắng mặt không có ý kiến; nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Thạch Thị D, cho bà Thạch Thị D được ly hôn với ông Thạch Sa M. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Thạch Thị

Sô Thia R, sinh ngày 02/5/2014 cho bà Thạch Thị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Thạch Thị D phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Thị D và ông Thạch Sa M tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Thạch Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Sa M và yêu cầu được nuôi con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Nguyên đơn bà Thạch Thị D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Thạch Sa M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Thạch Thị D, ông Thạch Sa M theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Thạch Thị D và ông Thạch Sa M chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của bà Thạch Thị D và ông Thạch Sa M là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà Thạch Thị D cho rằng trong thời gian sống chung thì bà và ông Thạch Sa M tính tình không hợp nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay và ông Thạch Sa M đã bỏ địa phương đi từ năm 2021 cho đến nay, không biết ở đâu, làm gì, nay bà Thạch Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Sa M. Tuy mâu thuẫn vợ, chồng giữa bà bà Thạch Thị D và ông Thạch Sa M là không lớn nhưng sau khi kết hôn, bà Thạch Thị D và ông Thạch Sa M chỉ chung sống được với nhau được một thời gian thì vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, sau đó ông Thạch Sa M bỏ đi biệt tích gần 04 năm nay và Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long) đã ra quyết định số 05/2025/QĐST-DS ngày 02/6/2025 tuyên bố ông Thạch Sa M mất tích,

nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị D, bà Thạch Thị D được ly hôn với ông Thạch Sa M.

[3] Về con chung: Bà Thạch Thị D với ông Thạch Sa M có 01 con chung tên Thạch Thị Sô Thia R, sinh ngày 02/5/2014 hiện đang sống với bà Thạch Thị D; bà Thạch Thị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Thạch Thị Sô Thia R, sinh ngày 02/5/2014. Xét con chung tên Thạch Thị Sô Thia R hiện đang sống chung với bà Thạch Thị D và do bà Thạch Thị D nuôi dưỡng, ông Thạch Sa M đã bỏ địa phương đi từ năm 2021 không có sống chung với Thạch Thị Sô Thia R và không cùng bà Thạch Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng Thạch Thị Sô Thia R, Thạch Thị Sô Thia R cũng có ý kiến muốn sống chung với mẹ là bà Thạch Thị D, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị D, giao con chung tên Thạch Thị Sô Thia R, sinh ngày 02/5/2014 cho bà Thạch Thị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị D không yêu cầu ông Thạch Sa M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Thạch Thị D không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Thạch Thị D không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Thạch Thị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều

227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đối thoại; khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị D, cho bà Thạch Thị D được ly hôn với ông Thạch Sa M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Thị Sô Thia R, sinh ngày 02/5/2014 cho bà Thạch Thị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị D không yêu cầu ông Thạch Sa M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Thạch Thị D không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Thạch Thị D không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Bà Thạch Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007295 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà Thạch Thị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 - Vĩnh Long;
- UBND xã P, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính